

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY NAM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HN-ST

Ngày: 26-4-2021

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình  
về ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thúy Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Tấn Đức – Công chức Phòng Giáo dục và đào tạo huyện.
2. Ông Phạm Văn Nam – Cán bộ hưu trí.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 84/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXX-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị Cẩm L, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: 87D khu phố A, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn N, sinh năm 1979; Địa chỉ thường trú: ấp A, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: 87D khu phố A, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị L có mặt. Anh N vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 09/3/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Lương Thị Cẩm L trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Lê Văn N. Lý do: Chị và anh Lê Văn N do quen biết nhau trước mới tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2003. Sau khi cưới nhau, vợ chồng sinh sống tại ấp khu phố A, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng có hạnh phúc nhưng khoảng 03 năm trở lại đây thường phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Nguyên nhân do anh N uống rượu thường xuyên và kéo dài nhiều năm.

Mỗi lần anh N uống say về nhà thường kiếm chuyện cự cãi, lớn tiếng với chị nên vợ chồng tranh cãi thường xuyên, gay gắt. Ngày 27/3/2021, vợ chồng tiếp tục tranh cãi và anh N đánh chị gây thương tích ở tay, bị chảy máu mũi, đau bên sườn trái. Nay chị chỉ muốn ly hôn chứ không yêu cầu bồi thường hay yêu cầu khác. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, anh không thay đổi tính tình. Vợ chồng đã không còn sống chung khoảng 02 - 03 tháng nay. Nay chị thấy không thể nào khắc phục mâu thuẫn nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Lê Thị Thu P, sinh ngày 27/02/2006, hiện nay đang sống chung với chị, khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 5/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

*- Bị đơn anh Lê Văn N có lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:*

1. Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị L. Lý do: Anh còn thương vợ, thương con, mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về thời gian kết hôn và điều kiện tiến đến hôn nhân như chị L trình bày là đúng. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với bên nhà chị L, gia đình hạnh phúc. Có 01 con chung, cùng chăm lo cho con học hành. Giữa vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ trong đời sống, tranh cãi qua lại nhưng không đến nỗi nghiêm trọng. Về các mâu thuẫn như lời trình bày của chị L, anh thừa nhận, do anh đi làm hồ (xây dựng nhà), có giao lưu bạn bè nên có uống rượu thường xuyên, khi về nhà anh có tranh cãi với chị L. Nay anh cam kết sẽ sửa đổi ít uống rượu lại và chăm lo cho gia đình. Trước khi chị L nộp đơn ly hôn, vợ chồng có cãi nhau do anh nghi ngờ chị L nên anh ghen tuông, từ đó phát sinh tranh cãi vợ chồng. Chị L bỏ về nhà mẹ ruột ở, anh có qua rượt và năn nỉ nhiều lần nhưng chị L không về.

2. Về con chung: Lê Thị Thu P, sinh ngày 27/02/2006, hiện nay đang sống chung với chị L. Nếu trường hợp ly hôn thì anh xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Nếu chị L trực tiếp nuôi con, anh không cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Cày Nam phát biểu cho rằng:*

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành tốt sự triệu tập của Tòa, bị đơn vắng mặt không có đơn xin vắng.

*Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị Cẩm L; Con chung: Lê Thị Thu P, sinh ngày sinh ngày 27/02/2006, hiện nay đang sống chung với chị L, để chị L trực tiếp nuôi. Buộc anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp từng tháng, tính từ tháng 5/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi; Tài sản chung: không yêu cầu; Nợ chung của vợ chồng: Không có, không giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Lương Thị Cẩm L, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*”; Trong đó xác định chị Lương Thị Cẩm L là nguyên đơn, anh Lê Văn N là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của anh Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh N là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:**

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị Cẩm L, thấy rằng:

Chị L cho rằng do quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, nguyên nhân do anh N thường xuyên uống rượu về gây chuyện, dẫn đến vợ chồng tranh cãi và xảy ra xô sát anh N đánh chị, hiện không thể khắc phục được. Vợ chồng không còn sống chung từ khi chị nộp đơn ly hôn. Nay xác định không còn tình cảm nên quyết định ly hôn.

Anh N không đồng ý ly hôn, cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn. Anh thừa nhận đi làm thợ hồ nên có thường xuyên giao lưu uống rượu với bạn bè. Vợ chồng có tranh cãi và anh có nghi ngờ ghen tuông. Anh hứa khắc phục ít uống rượu lại để lo cho vợ con.

Khi thực hiện xác minh tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng cư trú cho biết thông tin: Hôn nhân giữa chị L và anh N có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Theo nguồn tin địa phương, chị L có nghề gói kẹo dừa, anh N đi làm thợ hồ, kinh tế gia đình bình thường. Về mâu thuẫn vợ chồng, khoảng vài ngày trước khi xác minh, anh N có báo về việc vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi, anh N có đánh chị L bị thương ở miệng. Anh N cho rằng do khi vợ chồng cãi nhau, chị L nói chị sẽ đi theo người khác nên anh tức giận mới đánh chị. Theo thông tin từ địa phương do anh N đi uống rượu về gây cãi nhiều lần với chị L. Vợ chồng gây cãi có báo địa phương hòa giải mâu thuẫn nội bộ nhiều lần, hòa giải chỉ bằng lời nói chứ không có lập biên bản hay xử phạt gì.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh N là có thật. Nguyên nhân bắt nguồn từ việc anh N đi làm và có thường xuyên uống rượu, về nhà vợ chồng tranh cãi, thậm chí còn xảy ra xô sát làm chị L bị thương. Anh N nghi ngờ ghen tuông với chị L. Vợ chồng đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên nhủ, hàn gắn nhiều lần nhưng không đạt được kết quả. Chị L dẫn theo con về nhà mẹ ruột sống khoảng 03 tháng nay. Trong thời gian này, vợ chồng cũng không có hướng khắc phục và đoàn tụ để mặc cho mâu thuẫn

ngày càng nhiều đến nay đã đến mức trầm trọng. Anh N cho rằng không muốn ly hôn nhưng bản thân anh cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra, anh đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không đoàn tụ được, chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn. Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải nhưng không hàn gắn, đoàn tụ được. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Lê Thị Thu P, sinh ngày 27/02/2006. Chị L và anh N đều muốn trực tiếp nuôi con khi ly hôn. Xét thấy, khi hỏi nguyện vọng thì cháu P muốn sống chung với mẹ để tiện việc học. Cháu P hiện đang sống chung với chị L và bà ngoại, cháu lại là con gái đang phát triển tâm sinh lý nên để chị L trực tiếp nuôi con là phù hợp. Chị L yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, anh N không đồng ý. Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con nhằm để đảm bảo cho các chi phí sinh hoạt, học hành của con. Hiện nay, cả chị L và anh N đều có công việc (anh N làm thợ hồ, chị L đi gói kẹo), đều có thu nhập, nay chị L trực tiếp nuôi con và buộc anh N cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Xét mức cấp dưỡng chị L yêu cầu không vượt quá 01 tháng lương cơ bản, nằm trong điều kiện anh N có thể thực hiện được nên chấp nhận. Chị L yêu cầu anh N bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5/2021, xét thấy phù hợp nên chấp nhận. Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Cả hai không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Cả hai trình bày không có, không xem xét.

**[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.**

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị L chịu theo quy định. Anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị Cẩm L.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Lương Thị Cẩm L được ly hôn với anh Lê Văn N.

2. Về con chung: Lê Thị Thu P, sinh ngày 27/02/2006, khi ly hôn chị Lương Thị Cẩm L được trực tiếp nuôi con. Buộc anh Lê Văn N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), cấp từng tháng, bắt đầu từ tháng 5/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Cả hai không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Cả hai trình bày không có, không xem xét.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch:

Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Lương Thị Cẩm L phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007013 ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Lê Văn N phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Đã ký*

**Đỗ Thúy Hằng**